

Vbaff

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

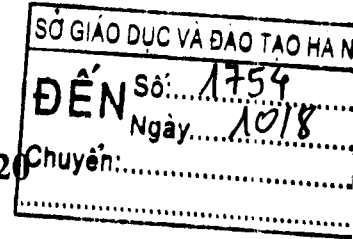
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2017/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT/TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ- BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 1781/TTr-UBND ngày 11 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Hà Nam với nội dung chủ yếu sau:

I. Tổng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 gồm:

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 3.576.696 triệu đồng

- Vốn ngân sách tập trung (NSTT): 1.698.696 triệu đồng

- Vốn thu từ tiền sử dụng đất: 1.840.000 triệu đồng

- Vốn thu từ xổ số kiến thiết (XSKT): 38.000 triệu đồng

2. Vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước (dự kiến): 7.154.560 triệu đồng, trong đó:

2.1. Phí bảo trì đường bộ: 110.000 triệu đồng.

2.2. Dự kiến thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại các dự án phát triển các khu đô thị, thương mại dịch vụ và nhà ở: 6.841.675 triệu đồng.

2.3. Thu từ các doanh nghiệp thuê đất tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp đầu tư bằng ngân sách nhà nước: 202.885 triệu đồng.

3. Dự kiến vay tín dụng ưu đãi: 300.000 triệu đồng.

4. Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 3.708.537 triệu đồng

4.1. Vốn trong nước: 2.331.000 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) cho xây dựng nông thôn mới: 212.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư theo Chương trình mục tiêu (CTMT): 2.029.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ : 90.000 triệu đồng.

4.2. Vốn nước ngoài: 1.377.537 triệu đồng.

5. Vốn trái phiếu Chính phủ: 800.000 triệu đồng

II. Phân bổ vốn đầu tư công cho các cấp ngân sách.

1. Vốn đầu tư trong cân đối:

Phân bổ 3.293.126 triệu đồng, dự phòng 283.570 triệu đồng, chia ra:

1.1. Vốn ngân sách tập trung: Phân bổ 1.528.826 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách tỉnh (70%): 1.070.178 triệu đồng.

- Ngân sách huyện, thành phố (30%): 458.648 triệu đồng. Trong đó:

+ Thành phố Phủ Lý : 98.814 triệu đồng.

+ Huyện Bình Lục: 74.761 triệu đồng.

+ Huyện Duy Tiên: 63.792 triệu đồng.

+ Huyện Kim Bảng: 67.588 triệu đồng.

+ Huyện Lý Nhân: 74.841 triệu đồng.

+ Huyện Thanh Liêm: 78.852 triệu đồng.

1.2. Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Phân bổ: 1.729.000 triệu đồng, dự phòng: 111.000 triệu đồng. Gồm:

- Ngân sách tỉnh: 253.240 triệu đồng,

- Ngân sách huyện, thành phố: 1.475.760 triệu đồng. Trong đó:

+ Thành phố Phủ Lý: 582.060 triệu đồng

+ Huyện Bình Lục: 112.930 triệu đồng

+ Huyện Duy Tiên: 228.900 triệu đồng.

+ Huyện Kim Bảng: 294.550 triệu đồng.

+ Huyện Lý Nhân: 141.890 triệu đồng.

+ Huyện Thanh Liêm: 115.430 triệu đồng.

1.3. Vốn đầu tư từ xổ số kiến thiết: Phân bổ 35.300 triệu đồng, dự phòng: 2.700 triệu đồng (ngân sách tỉnh quản lý toàn bộ).

2. Vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: Dự kiến phân bổ cho các dự án tính quản lý và hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu phát triển đô thị Phủ Lý.

3. Vốn vay tín dụng ưu đãi: Dự kiến vay đầu tư cho một số nhiệm vụ cấp bách do cấp tỉnh quản lý.

4. Vốn ngân sách trung ương: Phân bổ theo quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phân bổ 90%: 3.337.683 triệu đồng, dự phòng: 370.854 triệu đồng. Gồm:

4.1. Vốn trong nước, phân bổ: 2.097.900 triệu đồng; dự phòng: 233.100 triệu đồng.

- Vốn CTMTQG (cho XDNTM): 190.800 triệu đồng

- Vốn đầu tư theo CTMT: 1.826.100 triệu đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công: 81.000 triệu đồng

4.2. Vốn nước ngoài, phân bổ: 1.239.783 triệu đồng; dự phòng: 137.754 triệu đồng.

5. Vốn trái phiếu Chính phủ:

Phân bổ 90%: 720.000 triệu đồng cho dự án tính quản lý, dự phòng 10%: 80.000 triệu đồng.

III. Danh mục dự án bố trí kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 thuộc cấp ngân sách tỉnh:

1. Nguyên tắc bố trí, thứ tự ưu tiên:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí thanh toán nợ xây dựng cơ bản;

- Hoàn ứng trước ngân sách tỉnh; ngân sách trung ương;

- Bố trí vốn đối ứng dự án ODA (*phần ngân sách địa phương phải bố trí*);

- Bố trí cho dự án chuyển tiếp (*đối với dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020, tiết kiệm 10 % vốn đầu tư, bố trí 90% so với tổng mức đầu tư của dự án*).

- Bố trí cho dự án khởi công mới: Dự án đã có chủ trương đầu tư của tỉnh hoặc có quyết định đầu tư;

Các dự án chuyển tiếp và khởi công mới tập trung cho thực hiện các nghị quyết chuyên đề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (về công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, phát triển đô thị Phủ Lý), xử lý môi trường, an sinh xã hội.

2. Danh mục và mức vốn đầu tư các dự án: Theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

IV. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn.

1. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách địa phương theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm các khoản chi thường xuyên để tăng tỉ trọng chi cho đầu tư phát triển. Hạn chế tối đa việc ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn. Trường hợp cần thiết ứng trước, phải kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo việc ứng trước kế hoạch phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và phải bảo đảm có nguồn thanh toán các khoản ứng trước.

Các dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới cần rà soát quy mô, thực hiện phân kỳ đầu tư phù hợp mức vốn đầu tư, ưu tiên đầu tư các công trình hạng mục cần sớm đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư. Chừa đầu tư các dự án, hạng mục chưa thật sự cấp bách để không phát sinh nợ công.

2. Căn cứ vào nguồn vốn đầu tư, danh mục và mức vốn của từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, các cấp, các ngành khi triển khai thực hiện từng dự án cần tuân thủ chặt chẽ Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo kế hoạch gắn với việc đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

Đối với nguồn thu từ đất: Danh mục và mức vốn là dự kiến. Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế nguồn thu này để xây dựng kế hoạch và chỉ thực hiện đầu tư khi đảm bảo khả năng cân đối vốn để đầu tư, không làm phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Việc thực hiện các dự án đầu tư tạo nguồn từ đất (các dự án khu đô thị, khu thương mại, dịch vụ, khu nhà ở, dự án xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đấu giá,...) phải tuân thủ quy hoạch, các quy định về đấu thầu dự án, đấu thầu quyền sử dụng đất, quyền cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Đối với nguồn vốn vay: Hàng năm, rà soát tình hình nợ công của tỉnh để đề xuất thời điểm vay phục vụ các mục tiêu cấp bách của địa phương.

3. Quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản vốn dự phòng chung chưa phân bổ chỉ được sử dụng trong trường hợp nguồn thu ngân sách nhà nước được đảm bảo theo kế hoạch và chỉ được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, cấp bách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và phải có ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện.

4. Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, xác định nguồn tăng thu ngân sách mà địa phương được sử dụng để xử lý nợ công và thu hồi tạm ứng ngân sách theo quy định.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư bảo đảm công khai, minh bạch.

6. Tăng cường công tác giám sát cộng đồng, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai hóa các thông tin về công trình, dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

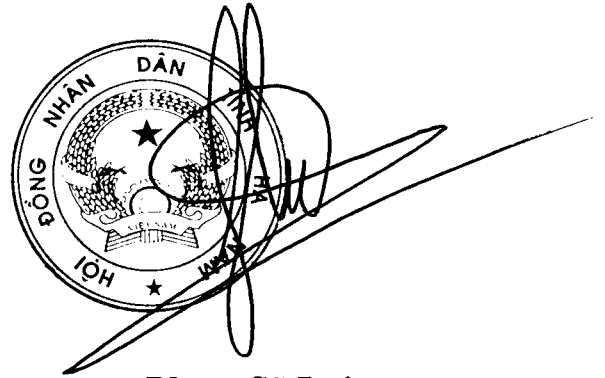
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khóa XVIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, KHĐT, Tài chính;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH - ĐT, Tài chính; Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi

**TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: **02** /2017/NQ-HĐN ngày **19** tháng **7** năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn/chương trình | Kế hoạch 2016-2020 | Trong đó | | | | | | | | | Dự phòng 10% |
|-------------|---|-----------------------|--------------|-------------------|---------------------------------------|-----------|------------------------------------|-----------|---------|---------------------------------------|---------------------------|-----------------|
| | | | Phân bổ 90 % | | | | | | | | | |
| | | | Tổng số | Ngân sách tỉnh | Chia ra phân bổ cho ngân sách các cấp | | | | | | Ngân sách huyện, xã | |
| | | | | | Trong đó | | Còn lại giai đoạn 2018- 2020 | Trong đó | | Còn lại giai đoạn 2018- 2020 | | |
| | | | | | Đã giao | | | Đã giao | | | | |
| Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2016 | Năm 2017 | | | | | | | |
| | TỔNG SỐ | 15.539.792 | 14.805.369 | 12.870.961 | 1.406.552 | 1.176.893 | 10.287.516 | 1.934.408 | 414.760 | 434.816 | 1.084.832 | 734.423 |
| A | VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | 3.576.696 | 3.293.126 | 1.358.718 | 350.440 | 349.904 | 658.374 | 1.934.408 | 414.760 | 434.816 | 1.084.832 | 283.570 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng CP (vốn NSTT) | 1.698.696 | 1.528.826 | 1.070.178 | 269.640 | 296.604 | 503.934 | 458.648 | 115.560 | 127.116 | 215.972 | 169.870 |
| 2 | Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | 1.840.000 | 1.729.000 | 253.240 | 80.800 | 42.300 | 130.140 | 1.475.760 | 299.200 | 307.700 | 868.860 | 111.000 |
| 3 | Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết | 38.000 | 35.300 | 35.300 | | | 11.000 | 24.300 | | | | 2.700 |
| B | VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 7.154.560 | 7.154.560 | 7.154.560 | 19.000 | 20.000 | 7.115.560 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Phí bảo trì đường bộ | 110.000 | 110.000 | 110.000 | 19.000 | 20.000 | 71.000 | | | | | |
| 2 | Thu từ các dự án phát triển đô thị | 984.675 | 984.675 | 984.675 | | | 984.675 | | | | | |

Handwritten signature

| STT | Nguồn vốn/chương trình | Kế hoạch 2016-2020 | Trong đó | | | | | | | | | Dự phòng 10% | |
|-------------|---|-----------------------|------------------|-------------------|---------------------------------------|----------------|------------------------------------|----------|----------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------|--|
| | | | Phân bổ 90 % | | | | | | | | | | |
| | | | Tổng số | Ngân sách tỉnh | Chia ra phân bổ cho ngân sách các cấp | | | | | Ngân sách huyện, xã | Trong đó | | |
| | | | | | Trong đó | | Còn lại giai đoạn 2018- 2020 | Trong đó | | | Còn lại giai đoạn 2018- 2020 | | |
| | | | | | Đã giao | | | Đã giao | | | | | |
| Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2016 | Năm 2017 | | | | | | | | | | |
| 3 | Thu từ các vị trí đất theo KL09-KL/TU | 5.857.000 | 5.857.000 | 5.857.000 | | | 5.857.000 | | | | | | |
| 4 | Thu từ các doanh nghiệp thuê đất trong các KCN, Cụm CN đầu tư bằng vốn NSNN | 202.885 | 202.885 | 202.885 | | | 202.885 | | | | | | |
| C | VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI | 300.000 | 300.000 | 300.000 | | | 300.000 | | | | | | |
| D | VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG | 3.708.537 | 3.337.683 | 3.337.683 | 1.037.112 | 806.989 | 1.493.582 | 0 | 0 | 0 | 370.854 | | |
| I | VỐN TRONG NƯỚC | 2.331.000 | 2.097.900 | 2.097.900 | 583.362 | 376.990 | 1.137.548 | 0 | 0 | 0 | 233.100 | | |
| 1 | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia | 212.000 | 190.800 | 190.800 | 7.200 | 31.000 | 152.600 | | | | | | |
| | Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới | 212.000 | 190.800 | 190.800 | 7.200 | 31.000 | 152.600 | | | | | | |
| 2 | Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu | 2.029.000 | 1.826.100 | 1.826.100 | 576.162 | 345.990 | 903.948 | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo QĐ22/QĐ-TTG | 90.000 | 81.000 | 81.000 | | | 81.000 | | | | | | |
| II | VỐN NƯỚC NGOÀI | 1.377.537 | 1.239.783 | 1.239.783 | 453.750 | 429.999 | 356.034 | | | | 137.754 | | |
| E | VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ | 800.000 | 720.000 | 720.000 | | | 720.000 | | | | 80.000 | | |



PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
DO TỈNH QUẢN LÝ KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

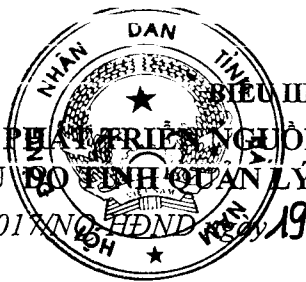
Đơn vị: Triệu đồng

| | DIỄN GIẢI | Tỉnh quản lý | Trong đó | | | Ghi chú |
|----------|---|------------------|----------------|----------------|------------------------------------|---|
| | | | Đã giao | | Còn lại giai đoạn 2018- 2020 | |
| | | | Năm 2016 | Năm 2017 | | |
| | TỔNG SỐ | 8.813.278 | 369.440 | 369.904 | 8.073.944 | |
| 1 | VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | 1.358.718 | 350.440 | 349.904 | 658.374 | |
| | Trả vay tín dụng ưu đãi | 302.500 | 146.250 | 156.250 | | |
| | Lập quỹ phát triển đất và đo đạc lập bản đồ địa chính | 67.760 | 16.160 | 21.600 | 20.000 | |
| | Hoàn ứng trước ngân sách tỉnh | 73.800 | 40.000 | 30.000 | 8.800 | |
| | Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới | 128.166 | 28.166 | 10.000 | 90.000 | |
| | Chuẩn bị đầu tư | 23.670 | 4.812 | 9.684 | 4.174 | |
| | Bố trí thực hiện các dự án đầu tư | 762.822 | 115.052 | 122.370 | 535.400 | |
| | Trong đó : Đối ứng ODA | | | | 110.000 | |
| | Bố trí thanh toán nợ XDCB | | | | 83.400 | Trong đó: tiền đất 39.300 triệu đồng |
| | Bố trí cho dự án chuyển tiếp | | | | 56.000 | |
| | Bố trí dự án khởi công mới | | | | 286.000 | Trong đó: tiền đất 10.000 triệu đồng |
| 2 | VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 7.154.560 | 19.000 | 20.000 | 7.115.570 | |
| a | Phí bảo trì đường bộ | 110.000 | 19.000 | 20.000 | 71.000 | |
| | Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường tỉnh quản lý, trong đó: | 110.000 | 19.000 | 20.000 | 71.000 | |
| | <i>Dự án cải tạo nâng cấp đường ĐT.495 đoạn từ Km7- Km8+500, Km111+700 - Km15+200, huyện Thanh Liêm</i> | | | | 18.500 | |

guy

| | DIỄN GIẢI | Tình quản lý | Trong đó | | Ghi chú | |
|---|---|----------------|----------|----------|----------------|------------------------------------|
| | | | Đã giao | | | Còn lại giai đoạn 2018- 2020 |
| | | | Năm 2016 | Năm 2017 | | |
| | Đường ĐH 02 huyện Thanh Liêm | | | | 10.000 | |
| | Đường ĐH 08 huyện Duy Tiên | | | | 10.000 | |
| b | Thu từ các dự án phát triển đô thị | 984.675 | | | 984.685 | |
| | Bố trí cho các dự án trọng điểm: Đường Lê Công Thanh, Đường giao thông dọc QL 38; Hạ tầng xung quanh hoàn trả kênh mương khi xây dựng cơ sở II BV Bạch Mai; Đường T1, các dự án thuộc Chương trình phân lũ, Đường GTNT đến các xã (nợ XDCB các dự án TPCP), bệnh viện tâm thần... | | | | | |
| c | Thu từ các vị trí đất theo KL09-KL/TU | 5.857.000 | | | 5.857.000 | |
| | Bố trí các dự án thuộc Khu Liên hợp thể thao và Đường ĐT 495 B, Sân vận động tỉnh, Khu du lịch Tam Chúc; Đường T1; Trung tâm huấn luyện dự bị động viên (Khu vực phòng thủ tỉnh- San lấp mặt bằng)... | | | | | |
| d | Thu từ các doanh nghiệp thuê đất trong các KCN, Cụm CN đầu tư bằng vốn NSNN: Bố trí cho các dự án xây dựng hạ tầng các khu, cụm CN... | 202.885 | | | 202.885 | |
| 3 | VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI | 300.000 | | | 300.000 | |
| | Bố trí cho các dự án: Giải phóng mặt bằng khu du lịch Tam Chúc; Dự án giao thông nông thôn xã Nhân Bình; Dự án xử lý kênh đầu mối Trạm bơm Giáp Ba; Dự án cải tạo, nâng cấp đường trục huyện; Dự án tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ tỉnh... | | | | | |

guy



PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
VÀ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ BỘ TÍNH QUẢN LÝ KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn/chương trình | Tổng số phân bổ (90%) | Đã giao theo QĐ 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 | Còn lại giao bổ sung | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------|---|----------------------|---------|
| | TỔNG SỐ | 4.057.683 | 2.937.883 | 1.119.800 | |
| A | VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG | 3.337.683 | 2.937.883 | 399.800 | |
| I | VỐN TRONG NƯỚC | 2.097.900 | 1.698.100 | 399.800 | |
| (1) | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới | 190.800 | 0 | 190.800 | |
| | <i>Chia ra</i> | | | 0 | |
| | Các dự án nước sạch nông thôn | 111.000 | | 111.000 | |
| | Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn | 79.800 | | 79.800 | |
| (2) | Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu | 1.826.100 | 1.617.100 | 209.000 | |
| 1 | Chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng | 788.488 | 728.488 | 60.000 | |
| 2 | Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA | 62.000 | 62.000 | 0 | |
| 3 | Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững | 70.572 | 70.572 | 0 | |
| 4 | Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống thiên tai, ổn định dân cư | 252.380 | 192.380 | 60.000 | |
| 5 | Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội | 30.000 | 0 | 30.000 | |
| 6 | Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương | 50.000 | 0 | 50.000 | |
| 7 | Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch | 549.660 | 540.660 | 9.000 | |
| 8 | Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin | 5.000 | 5.000 | 0 | |

| STT | Nguồn vốn/chương trình | Tổng số phân bổ (90%) | Đã giao theo QĐ 572/QĐ- BKHĐT ngày 20/4/2017 | Còn lại giao bổ sung | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------------|---|-------------------------|---------|
| 9 | Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa | 3.000 | 3.000 | 0 | |
| 10 | Các dự án khác | 15.000 | 15.000 | 0 | |
| 3 | Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo QĐ22/QĐ-TTG | 81.000 | 81.000 | 0 | |
| II | VỐN NƯỚC NGOÀI | 1.239.783 | 1.239.783 | 0 | |
| | Các dự án do tỉnh quản lý: Dự án phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án Thành phố Phủ Lý, Dự án đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu mối khu vực thành phố Phủ Lý phục vụ tiêu thoát nước chống ngập úng và kết hợp sản xuất nông nghiệp, Dự án đầu tư mở rộng Trường Cao đẳng nghề Hà Nam, Dự án nâng cấp gia cố tăng khả năng thoát lũ và chống sạt lở bờ sông Đáy trên toàn tuyến sông Đáy thuộc địa phận tỉnh Hà Nam | | | 0 | |
| | Các dự án ô: Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả, Dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Đông Bắc bộ | | | 0 | |
| B | VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ | 720.000 | 0 | 720.000 | |
| | Dự án đường nối chùa Ba Sao với Chùa Bái Đính trên địa bàn tỉnh Hà Nam | 720.000 | | 720.000 | |

97

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG MIỄN CẤP CHO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 02 / 2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| ST T | Tiêu chí | Tổng số | Trong đó: | | | | | |
|----------|--|------------------|---------------------|-------------------|-------------------|------------------|------------------------|-------------------|
| | | | Thành phố Phủ Lý | Huyện Duy Tiên | Huyện Kim Bảng | Huyện Lý Nhân | Huyện Thanh Liêm | Huyện Bình Lục |
| | Tổng số (1) | 1.934.408 | 680.874 | 292.692 | 362.138 | 216.731 | 194.282 | 187.691 |
| 1 | Vốn đầu tư NSTT phân cấp | 458.648 | 98.814 | 63.792 | 67.588 | 74.841 | 78.852 | 74.761 |
| 1.1 | Đã bố trí kế hoạch năm 2016 | 115.560 | 25.159 | 14.611 | 18.634 | 17.995 | 22.534 | 16.627 |
| 1.2 | Đã bố trí kế hoạch năm 2017 | 127.116 | 31.119 | 14.234 | 19.507 | 17.954 | 27.803 | 16.499 |
| 1.3 | Còn lại giai đoạn 2018-2020 | 215.972 | 42.536 | 34.946 | 29.447 | 38.892 | 28.516 | 41.635 |
| 2 | Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất | 1.475.760 | 582.060 | 228.900 | 294.550 | 141.890 | 115.430 | 112.930 |
| 2.1 | Đã bố trí kế hoạch năm 2016 | 299.200 | 131.200 | 48.000 | 44.800 | 24.800 | 27.200 | 23.200 |
| 2.2 | Đã bố trí kế hoạch năm 2017 | 307.700 | 124.700 | 43.200 | 67.500 | 28.800 | 21.000 | 22.500 |
| 2.3 | Còn lại giai đoạn 2018-2020 | 868.860 | 326.160 | 137.700 | 182.250 | 88.290 | 67.230 | 67.230 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| | Cấp huyện quản lý | 270.810 | 196.560 | 15.300 | 20.250 | 9.810 | 21.420 | 7.470 |
| | Cấp xã quản lý | 598.050 | 129.600 | 122.400 | 162.000 | 78.480 | 45.810 | 59.760 |

Ghi chú (1): Đã trừ dự phòng 10 %

gng



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH
DO TỈNH QUẢN LÝ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số **02** /2017/QĐ-HĐND ngày **19** tháng **7** năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định đầu tư | | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 | Trong đó | | |
|-----------|--|-------------------|-------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------|--|----------------|----------------|-------------------|
| | | | | | Số QĐ | Tổng mức đầu tư | | Kế hoạch 2016 | Kế hoạch 2017 | Còn lại 2018-2020 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | TỔNG SỐ | | | | | 6.201.800 | 1.358.718 | 350.440 | 349.904 | 658.374 |
| A | VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG | | | | | 5.821.796 | 1.221.578 | 350.440 | 342.904 | 528.234 |
| I | Đối ứng ODA | | | | | 499.171 | 113.800 | 0 | 0 | 113.800 |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu mối khu vực thành phố Phủ Lý phục vụ tiêu thoát nước chống ngập úng và kết hợp sản xuất nông nghiệp | TP. Phủ Lý | | | 649/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 | 167.549 | 55.000 | | | 55.000 |
| 2 | Dự án đầu tư mở rộng Trường Cao đẳng Nghề | TP. Phủ Lý | | | 629/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 | 191.950 | 55.000 | | | 55.000 |
| 3 | Dự án phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án Thành phố Phủ Lý | TP. Phủ Lý | | | 218/QĐ-UBND 12/10/2011 | 139.672 | 3.800 | | | 3.800 |
| II | Ngành Nông nghiệp | | | | | 511.167 | 79.900 | 16.300 | 16.000 | 47.600 |
| | <i>Dự án quyết toán</i> | | | | | | 0 | | | |
| 1 | Đê Hoàng Uyển đoạn từ QL 1A đến Chợ Lương | Duy Tiên | 7857 m | 2010-2012 | 643/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 | 106.500 | 18.000 | 10.000 | 8.000 | |
| 2 | BC-KTKT cải tạo, nâng cấp gia cố kênh dẫn thượng lưu công Tắc Giang | Lý Nhân | | 2015-2016 | 1132/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 | 5.420 | 4.000 | | 1.000 | 3.000 |
| 3 | Nuôi trồng thủy sản tập trung thâm canh vùng liên xã Văn Xá, Kim Bình, Hoàng Tây huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. | Kim Bảng | | 2007-2011 | 1649/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 | 40.219 | 2.600 | | 1.000 | 1.600 |
| | <i>Dự án chuyển tiếp</i> | | | | | | 0 | 0 | | |
| 1 | Nạo vét, gia cố sông Kinh Thủy từ K0- cầu máng KT 6 | Thanh Liêm | 4km | 2011-2014 | 1379/QĐ-UBND ngày 9/11/2011 | 38.912 | 21.000 | 4.000 | 5.000 | 12.000 |
| 2 | Công trình xử lý khẩn cấp đê kè, chống sạt lở tuyến đê bao Hữu Hồng xã Phú Phúc huyện Lý Nhân | Lý Nhân | | | 1660/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | 225.500 | 2.300 | 2.300 | | |

gng

| TT | Danh mục | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định đầu tư | | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 | Trong đó | | |
|------------|--|-------------------|-------------------|----------------------------------|--|-----------------|--|---------------|---------------|-------------------|
| | | | | | Số QĐ | Tổng mức đầu tư | | Kế hoạch 2016 | Kế hoạch 2017 | Còn lại 2018-2020 |
| | <i>Dự án khởi công mới</i> | | | | | | 0 | | | |
| 1 | Dự án kết nối hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Xuân Khê - Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2017 | Lý Nhân | | 2016-2017 | 1519/QĐ-UBND 04/10/2016 | 24.297 | 7.000 | | 1.000 | 6.000 |
| 2 | Cải tạo, KCH kênh A4-6, nhánh A4-8-29 và trạm bơm chống úng cho các khu công nghiệp, khu vực đô thị và sản xuất nông nghiệp khu vực Đồng Văn | Duy Tiên | | 2018-2020 | 202/UBND ngày 25/01/2017 | 32.000 | 15.000 | | | 15.000 |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp các kênh tiêu chính A3-2; PK huyện Kim Bảng | Kim Bảng | | 2018-200 | 21/TTHĐND ngày 08/03/2016 | 80.000 | 10.000 | | | 10.000 |
| | | | | | | 254.689 | 1.752 | 1.002 | 750 | 0 |
| II | Ngành Công nghiệp | | | | | | 0 | 0 | | |
| | <i>Dự án quyết toán</i> | | | | | | | | | |
| 1 | Điện REII | 5 huyện | Phần hạ thế | | 201/QĐ-UBND ngày 05/2/2010 | 113.458 | 1.587 | 837 | 750 | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp</i> | | | | | | 0 | 0 | | |
| 1 | Cụm công nghiệp Kien Khê I mở rộng | Thanh Liêm | 30ha | 2012-2014 | 981/QĐ-UBND ngày 17/9/2014; 1269/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 | 141.231 | 165 | 165 | | |
| | | | | | | 594.203 | 55.640 | 6.040 | 22.600 | 27.000 |
| III | Ngành Tài nguyên môi trường | | | | | | 0 | 0 | | |
| | <i>Dự án chuyển tiếp</i> | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. | Toàn tỉnh | | 2010-2015 | 1520 5/12/2008; 695a 9/7/2010; 1449 01/11/2012 | 404.000 | 45.640 | 4.040 | 21.600 | 20.000 |
| 2 | Đối ứng Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Phủ Lý (5.000m3/ngày đêm) | Phủ Lý | | 2007-2014 | 965/QĐ-UBND ngày 17/8/2009 | 125.560 | 2.000 | 2.000 | | |
| 3 | Dự án cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh của tỉnh tại xã Thanh Thù, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam | Thanh Liêm | | 2013-2015 | 1002/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 | 49.643 | 1.000 | | 1.000 | |
| | <i>Dự án khởi công mới</i> | | | | | | | | | |
| 1 | Nạo vét kênh tiêu CG3-5 Ngọc Lũ Bình Lục | Bình Lục | | 2018-2020 | 26/UBND ngày 26/6/2017 | 15.000 | 7.000 | | | 7.000 |